

Bản án số: 148/2022/HS-ST

Ngày: 06 - 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Duy Tuấn

Bà Kháng Mai Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 149/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn P**

Tên gọi khác: Không

Sinh ngày: 10/10/1971 tại tỉnh Điện Biên

Nơi cư trú: Bản X, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; Con ông: Lò Văn A (đã chết) và bà: Lò Thị L; Bị cáo chung sống như vợ chồng với Lò Thị D (đã chết), Lò Thị H và có 02 con (con lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 2008); Tiền án: không, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2000 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên) xử phạt 32 tháng tù giam về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 22 tháng (Bị cáo đã chấp hành xong bản án và Quyết định được coi là đã xóa án tích, chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính). Bị tạm giữ từ ngày 12/5/2022 sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 45 phút ngày 12/5/2022, tổ công tác Công an xã M phối hợp với Công an xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đang làm nhiệm vụ tại khu vực thuộc Bản L, xã M, thành phố Đ phát hiện Lò Văn P đang ngồi ở ven đường, trước mặt đất cách vị trí ngồi của P có đặt 01 chiếc mũ bảo hiểm có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Tổ công tác yêu cầu về trụ sở công an xã để kiểm tra, P tự giác lấy trong chiếc mũ bảo hiểm ra 02 gói nilon màu hồng bên trong chứa các cục chất bột thể rắn màu trắng đục. Lò Văn P khai nhận đó là ma túy (Heroine), P mua về để sử dụng cho bản thân.

Quá trình điều tra Lò Văn P khai nhận: Số ma túy bị thu giữ là do trước đó bị cáo mua của một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết ở khu vực Bản L 2, xã M với giá 40.000 đồng. Sau khi mua được ma túy bị cáo cầm ma túy trong lòng bàn tay trái của mình, đi tìm chỗ sử dụng, để ma túy trong chiếc mũ bảo hiểm mang theo, chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ gồm: 02 gói nilon màu hồng bên trong chứa các cục chất bột thể rắn màu trắng đục có khối lượng 0,15 gam.

Tại bản kết luận giám định số 675/KL-KTHS ngày 18/5/2022 Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Khối lượng vật chứng ký hiệu H1: 0,05 gam; H2: 0,1 gam. Hai mẫu chất bột màu trắng đục ký hiệu H1, H2 gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine. Hoàn lại đối tượng giám định H1: 0,03 gam; H2: 0,05 gam có biên bản đóng gói, niêm phong và giao nhận lại đối tượng giám định kèm theo.

Tại bản cáo trạng số 96/CT-VKSTPĐBP ngày 04/8/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố bị cáo Lò Văn P về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS: Xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,08 gam Heroine còn lại sau giám định, 02 mảnh nilon màu hồng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, không bào chữa gì cho hành vi của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy niêm phong lại vật chứng, Kết luận giám định...Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Hồi 10 giờ 45 phút ngày 12/5/2022 tại khu vực Bản L, xã M, thành phố Đ, Lò Văn P đã có hành vi cất giấu trái phép 0,15 gam Heroine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

[2]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52/BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản Điều 51/BLHS.

Về nhân thân: Năm 2000 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lai Châu xử phạt 32 tháng tù giam về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 22 tháng (Bị cáo đã chấp hành xong bản án và Quyết định trên được coi là đã xóa án tích, chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính) nhưng được coi là có nhân thân xấu. Do thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân nên vẫn sử dụng ma túy, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo phạm tội.

Hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo nên hội đồng xét xử chấp nhận. Cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù phù hợp, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục, cho bị cáo có thời gian cai nghiện để trở thành công dân tốt, có ý thức tuân thủ pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo đã từng bị Tòa án xử phạt 32 tháng tù và 22 tháng cải tạo bắt buộc nhưng vẫn không thay đổi, không từ bỏ được ma túy. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt cao nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng... Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có khả năng thi hành.

[4]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Đối với 0,15 gam Heroine thu giữ của bị cáo, sau khi gửi toàn bộ để giám định còn lại 0,08 gam là vật Nhà nước cấm tàng trữ; các mảnh nilon là vật dùng gói ma túy không có giá trị, không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

[5]. Các vấn đề khác: Đối với đối tượng bị cáo khai đã bán ma túy, quá trình điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập nên hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[6]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đều hợp pháp.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lò Văn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp

hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (12/5/2022).

2. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 0,08 gam Heroine và 02 (hai) mảnh nilon màu hồng (đã niêm phong). *(Vật chứng đã được Công an thành phố Điện Biên Phủ bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/8/2022).*

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/9/2022).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP ĐBP;
- VKSND tỉnh DB;
- Cơ quan điều tra Công an TP ĐBP
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- BP HSNV CATP ĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh DB;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ